

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NAM TỪ LIÊM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2022

V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi  
con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Lập

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quốc Khánh

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Tiến Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 308/2021/TLST - HNGĐ ngày 18/10/2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 01/4/2022, giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Đào Thị T, Sinh năm: 1978

**Bị đơn:** Anh Lê Quốc H, Sinh năm: 1971

HKTT: Tổ dân phố số 02 M, phường T, quận N, TP.H.

Chỗ ở: Số 100 D, phường T, quận N, TP.H.

(Chị Đào Thị T và anh Lê Quốc H có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Tại đơn xin ly hôn thuận tình đề ngày 12/7/2021 của chị Đào Thị T và anh Lê Quốc H thể hiện:**

Ngày 05/12/2002 chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là UBND phường T, quận N, thành phố H. Ngay trong thời gian đầu cuộc sống giữa chị T và anh H đã không hạnh phúc

và càng ngày càng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn cuộc sống không phù hợp. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cùng đã can thiệp nhưng cả hai vẫn không thể kìm chế được sự bức xúc và buồn chán khi cùng sống chung trong một mái nhà. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng và đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T và anh H thuận tình ly hôn. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Huy K, sinh ngày 25/8/2004 và cháu Lê Đình Anh K, sinh ngày 19/5/2015. Anh chị thống nhất sau ly hôn mỗi người nuôi một con. Về tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, công nợ chung tự thỏa thuận.

Ngày 03, 08/12/2021 Tòa án có giấy triệu tập gửi anh H, chị T, triệu tập ngày 07, 10/12/2021 có mặt tại Tòa án giải quyết vụ việc, tuy nhiên cả hai buổi anh H vắng mặt không có lý do.

Ngày 10/12/2021 chị Đào Thị T có đơn xin ly hôn với anh Lê Quốc H.

Ngày 13/12/2021, Tòa án ra Quyết định số 393A đình chỉ giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con theo đơn yêu cầu ngày 12/7/2021 của chị Đào Thị T và anh Lê Quốc H và Thông báo số 01 thay đổi địa vị tố tụng của đương sự chị Đào Thị T thành nguyên đơn, anh Lê Quốc H thành bị đơn.

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2021 và Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:**

Chị Đào Thị T và anh Lê Quốc H có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là Ủy ban nhân dân phường T, quận N, TP.H. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc và ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Lê Huy K, sinh ngày 25/8/2004 và cháu Lê Đình Anh K, sinh ngày 19/5/2015. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị T đang làm việc tại Công ty Cổ phần bệnh viện H, địa chỉ trụ sở chính tại tầng 44 tòa nhà D, thành phố H, hiện chị đang làm ở cơ sở của Công ty tại số 63, ngõ 6 TDP 3 M, phường T, quận N, thành phố H, thu nhập trung bình trên dưới 20 triệu đồng/tháng; vợ chồng chị T hiện đang ở nhà thuê, sau khi ly hôn chị T tiếp tục ở tại căn nhà này.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Bản tự khai ngày 21/12/2021, bị đơn anh Lê Quốc H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 05/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là Ủy ban nhân dân phường T, quận N), TP.H. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc và ngày càng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Do tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh H đồng ý.

Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là cháu Lê Huy K, sinh ngày 25/8/2004 và cháu Lê Đình Anh K, sinh ngày 19/5/2015. Khi ly hôn, anh H có nguyện vọng nuôi cháu bé là Lê Đình Anh K, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh H đang làm việc tại Công ty TNHH giải pháp T địa chỉ tại KĐT X, phường X, quận N, TP. H với mức lương là 14 triệu đồng/tháng, thời gian làm việc từ 7 giờ đến 17 giờ hàng ngày, sau khi ly hôn anh H thuê nhà ở chỗ khác do chưa có nhà riêng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:**

- Chị Đào Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Lê Quốc H, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Lê Quốc H đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Anh H có nguyện vọng nuôi cháu K và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật quá trình giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị T đối với anh Lê Quốc H. Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Huy K cho anh Lê Quốc H, giao cháu Lê Đình Anh K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/7/2021, người yêu cầu là anh Lê Quốc H và chị Đào Thị T nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, do người yêu cầu có nơi cư trú tại quận Nam Từ Liêm nên việc yêu cầu thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 BLTTDS. Tuy nhiên, do yêu cầu thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con thuộc trường hợp phải tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ theo quy định tại khoản 2 Điều 397 BLTTDS, quá trình giải quyết, anh H là người yêu cầu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn cố tình vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS đồng thời bị coi là anh H từ bỏ yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS nên Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự. Đồng thời Tòa án tiến hành thụ lý vụ án HNGĐ giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 5 Điều 397 BLTTDS.

Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là Tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn, Bị đơn có nơi cư trú tại quận Nam Từ Liêm do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Lê Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là Ủy ban nhân dân phường T, quận N), TP.H. Vì vậy, hôn nhân của chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Chị T và anh H đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc và ngày càng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên chị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn, anh H đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Lê Huy K, sinh ngày 25/8/2004 và cháu Lê Đình Anh K, sinh ngày 19/5/2015. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có nguyện vọng nuôi cháu Lê Đình Anh K và không yêu cầu chị T

cấp dưỡng nuôi con. Chị T đã giao nộp cho Tòa án phiếu lương tạm tính tháng 9,10,11/2021 của chị T có xác nhận của Công ty Cổ phần bệnh viện hữu nghị Q, tiền thực lĩnh trung bình của 3 tháng là 20 triệu đồng. Anh H đã giao nộp cho Tòa án đơn xác nhận lương tháng 10,11,12/2021 có xác nhận của công ty TNHH Giải pháp T, trung bình của 3 tháng là 15.765.000 đồng. Tòa án đã ghi ý kiến của cháu Lê Huy K. Cháu Lê Huy K có nguyện vọng ở với anh H. Tòa án cũng đã tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em là Phòng Lao động thương binh và xã hội quận N đã đề nghị Tòa án giao cháu Lê Huy K cho anh H, giao cháu Lê Đình Anh K cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp tốt nhất cho các cháu. Xét thấy cả chị T và anh H đều có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu thì giao cháu K cho anh H, giao cháu K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị T và anh Lê Quốc H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào:

- Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đào Thị T, cho chị Đào Thị T được ly hôn với anh Lê Quốc H.

2. Về con chung: Chị Đào Thị T và anh Lê Quốc H có hai con chung cháu Lê Huy K, sinh ngày 25/8/2004 và cháu Lê Đình Anh K, sinh ngày 19/5/2015.

Giao cháu Lê Đình Anh K cho chị Đào Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Giao cháu Lê Huy K cho anh Lê Quốc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị T, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Đào Thị T và anh Lê Quốc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2020/0033901 ngày 15/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị T và anh Lê Quốc H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận :**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS Q. Nam Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Q. Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trung Lập**

